

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HS-ST
Ngày: 16-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang

Bà Đinh Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Bưởi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HS ngày 05/9/2019 đối với bị cáo:

Phan Thế N. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 12/8/1978, tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tiểu khu 4, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: Lớp 12/12. Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Nguyên T (đã chết) và bà Đinh Thị K; vợ: Mẫn Thị L (đã ly hôn); con: có 01 con; tiền sự; tiền án: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Ông Hứa Văn Kh. Sinh năm 1966.

Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Đồng Thị Th. Sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

- Ông Hứa Văn Th. Sinh năm 1966.

Nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

- Bà Phùng Thị Đ. Sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

- Anh Hứa Văn H, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/4/2017, Phan Thế N đến nhà bà Phùng Thị Đ, sinh năm 1973, trú tại: thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn ăn cơm trưa cùng với bà Đ, ông Hứa Văn Th, sinh năm 1966, là chồng bà Đ, và vợ chồng bà Đ ông Thị Th, sinh năm 1971, ông Hứa Văn Kh, sinh năm 1966 cùng trú tại: thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Tại đây N giới thiệu bản thân trước đó là Phó Hiệu trưởng Trường THCS N, huyện Ng, tỉnh Bắc Kạn vừa chuyển đến công tác tại Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Bắc Kạn. Sau khi nghe N giới thiệu, bà Th và ông Kh nhờ N xin việc cho con trai vừa tốt nghiệp Trường Đại học sư phạm, N nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của vợ chồng bà Th nên nói sẽ xem xét tìm chỗ xin việc cho. N trao đổi số điện thoại di động của cá nhân với bà Th để liên hệ. Đến sáng ngày 24/4/2017, N gọi điện thoại cho bà Th yêu cầu chuẩn bị tiền và 01 (một) bộ hồ sơ xin việc của con trai để N đến lấy mang đi chạy xin việc làm cho, trưa cùng ngày, N đi xe khách từ thị trấn C, huyện B đến xã Q, huyện B rồi tiếp tục thuê một người đàn ông lái xe ôm đưa N đến nhà bà Th, sau đó cùng ăn cơm trưa với vợ chồng bà Th cùng con trai là Hứa Văn H, sinh năm 1992 và vợ chồng bà Đ, ông Th. Sau khi ăn cơm xong, H đi chơi, N cùng bà Th, ông Kh, ông Th, bà Đ ngồi uống nước nói chuyện xin việc làm cho H. N hứa hẹn với bà Th, ông Kh sẽ “*chạy việc*” xin cho H vào làm giáo viên một trường THCS thuộc huyện B, để chạy xin việc cho H, vợ chồng bà Th phải chi số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) nhưng N lấy trước một nửa để đi chạy xin việc, số tiền còn lại khi xin việc cho H thành công, N sẽ lấy nốt, nghe N hứa hẹn, bà Th, ông Kh tin tưởng và đồng ý và đưa số tiền 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*) cùng 01 (một) bộ hồ sơ xin việc của H đưa cho N, N nói cần thêm số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Tổng cộng là 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*) để chia số tiền làm 04 (bốn) phần đem đi chạy xin việc với 04 (bốn) người. Bà Th lấy thêm 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) đưa cho N. N xin bà Th 04 (bốn) chiếc phong bì thư rồi chia đều số tiền ra làm 04 (bốn) phần cho vào 04 (bốn) chiếc phong bì, mỗi phong bì đựng 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*), sau đó, N tự viết 01 (một) “*Giấy vay tiền*” với nội dung thể hiện ngày 24/4/2017, N vay của ông Kh, bà Th số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*) rồi N về. Đến ngày 25/4/2017, bà Th gọi điện cho N yêu cầu trả lại số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*) nhưng N nói dối là đã dùng số tiền đó đi chạy xin việc cho H không lấy lại được nhưng thực chất ngày 24/4/2017, sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, N đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

Tại Bản cáo trạng số 30/CT-VKS-BT ngày 27/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Phan Thế N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174/ BLHS 2015;

*** Điều 174/BLHS 2015 có nội dung:**

“ 1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) ...

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

a) ...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;
...”

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

* Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51/BLHS.

Xử phạt bị cáo Phan Thế N từ 24 (Hai mươi bốn) đến 30 (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 48 (Bốn mươi tám) đến 60 (Sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48/BLHS, các điều 584, 585, 586 và Điều 589/BLDS. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Hứa Văn Kh và bà Đồng Thị Th số tiền đã chiếm đoạt còn lại là 35.000.000 đồng.

*Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

-Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án:

+ 01 (một) vỏ bao hồ sơ;

+ 01 (một) sơ yếu lý lịch mang tên Hứa Văn H;

+ 01 (một) đơn xin việc của Hứa Văn H;

+ 01 (một) trích lục khai sinh mang tên Hứa Văn H;

+ 01 (một) bản phô tô giấy chứng minh nhân dân mang tên Hứa Văn H;

+ 01 (một) bản sao sổ hộ khẩu;

+ 01 (một) bảng ghi kết quả học tập của Hứa Văn H;

- + 01 (một) bản phô tô bằng tốt nghiệp đại học của Hứa Văn H;
 - + 01 (một) giấy xác nhận dân sự;
 - + 01 (một) bản phô tô bằng tốt nghiệp trung học phổ thông mang tên Hứa Văn H;
 - + 01 (một) giấy vay tiền;
 - + 01 (một) giấy trả tiền;
 - + 01 (một) giấy thông báo đòi nợ;
- * Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và nói lời sau cùng xin được hưởng án treo.

Bị hại đã nhận được số tiền bị cáo bồi thường là 45.000.000 đồng và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt còn lại là 35.000.000 đồng và đề nghị xử lý bị cáo theo quy định.

Người làm chứng khẳng định được chứng kiến việc bị hại giao cho bị cáo số tiền 80.000.000 đồng để bị cáo xin việc cho con của bị hại là Hứa Văn H.

Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng , người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa xác định, do cần tiền để chi tiêu cá nhân, nên ngày 24/4/2017 tại xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, bị cáo Phan Thế N đã dùng thủ đoạn gian dối, tự giới thiệu trước đó là Phó hiệu trưởng Trường THCS N, huyện Ng, tỉnh Bắc Kạn vừa chuyển công tác về Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Bắc Kạn nên có khả năng “chạy” được việc cho con trai vợ chồng ông Hứa Văn Kh , bà Đồng Thị Th là Hứa Văn H trú tại thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn vào làm giáo viên tại một Trường THCS trên địa bàn huyện B, tỉnh Bắc Kạn, ông Khiêm, bà Th tin tưởng và đưa tổng số tiền là: 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*) cho N. Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, N đã chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội . Xét thấy lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi nêu trên của Phan Thế N được thực hiện vào ngày 24 tháng 4

năm 2017 nên đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 2009. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bãi bỏ một tình tiết tăng nặng tại điểm g là “Gây hậu quả nghiêm trọng”. Áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về hiệu lực thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 vì vậy áp dụng điều luật có lợi cho bị cáo trong quá trình giải quyết vụ án. Việc truy tố, xét xử bị cáo Phan Thế N về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2, Điều 174/BLHS 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. *Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

Bị cáo có nhân thân tốt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo bồi thường cho ông Kh, bà Th được số tiền 45.000.000 đồng nên bị cáo được hưởng tình tiết “Người phạm tội tự nguyện khắc phục, bồi thường thiệt hại” và được hưởng tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51/BLHS.

Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, có khả năng tự cải tạo xét thấy cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65/BLHS vẫn bảo đảm việc răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, không có tài sản nên không có khả năng thi hành do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy thiệt hại thực tế xảy ra và bị hại có yêu cầu bị cáo bồi thường nên căn cứ vào Điều 48/BLHS 2015, các điều 584, 585, 586 và Điều 589/BLDS buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Hứa Văn Kh, sinh năm 1966 và bà Đồng Thị Th, sinh năm 1971 cùng trú tại: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng). Việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 357/BLDS về hướng dẫn tính lãi xuất.

[6]. Trong vụ án này, bà Phùng Thị Đ có quen biết N từ năm 2016 và được N giới thiệu là Phó hiệu trưởng Trường THCS N, huyện Ng, tỉnh Bắc Kạn chuẩn bị chuyển về công tác tại Sở Giáo dục đào tạo tỉnh Bắc Kạn. Do có quan hệ họ hàng với gia đình ông Kh, biết Hứa Văn H chưa xin được việc làm nên ngày 23/4/2017, bà Đ giới thiệu N cho vợ chồng ông Kh để nhờ N chạy xin việc làm cho H. Bà Đ không biết hành vi của Phan Thế N là gian dối do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B không xem xét xử lý.

[7]. *Về vật chứng:* Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

-Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án:

- + 01 (một) vỏ bao hồ sơ;
- + 01 (một) sơ yếu lý lịch mang tên Hứa Văn H;
- + 01 (một) đơn xin việc của Hứa Văn H;
- + 01 (một) trích lục khai sinh mang tên Hứa Văn H;
- + 01 (một) bản phô tô giấy chứng minh nhân dân mang tên Hứa Văn H;
- + 01 (một) bản sao sổ hộ khẩu;
- + 01 (một) bảng ghi kết quả học tập của Hứa Văn H;
- + 01 (một) bản phô tô bằng tốt nghiệp đại học của Hứa Văn H;
- + 01 (một) giấy xác nhận dân sự;
- + 01 (một) bản phô tô bằng tốt nghiệp trung học phổ thông mang tên Hứa Văn H;
- + 01 (một) giấy vay tiền;
- + 01 (một) giấy trả tiền;
- + 01 (một) giấy thông báo đòi nợ;

- Đối với 03 chiếc điện thoại của N, bà Đ bà Th sử dụng liên lạc với nhau vào các ngày 23, 24/4/2017 đều đã được thay bằng điện thoại và sim mới, điện thoại cũ, sim cũ đều đã vứt bỏ, 04 chiếc phong bì thư đựng tiền sau khi chiếm đoạt N lấy toàn bộ số tiền bên trong ra rồi đốt 04 chiếc phong bì nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B không thu giữ được.

[9]. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

*** Tuyên bố:** Bị cáo Phan Thế N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51 /BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phan Thế N 30 (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm

thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 Luật thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48/BLHS năm 2015, các điều 584, 585, 586 và Điều 589/BLDS buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Hứa Văn Kh, sinh năm 1966 và bà Đồng Thị Th, sinh năm 1971 cùng trú tại: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

Việc thi hành án được thực hiện theo Điều 357/BLDS về việc hướng dẫn tính lãi xuất.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS 2015.

-Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án:

- + 01 (một) vỏ bao hồ sơ;
- + 01 (một) sơ yếu lý lịch mang tên Hứa Văn H;
- + 01 (một) đơn xin việc của Hứa Văn H;
- + 01 (một) trích lục khai sinh mang tên Hứa Văn H;
- + 01 (một) bản phô tô giấy chứng minh nhân dân mang tên Hứa Văn H;
- + 01 (một) bản sao sổ hộ khẩu;
- + 01 (một) bảng ghi kết quả học tập của Hứa Văn H;
- + 01 (một) bản phô tô bằng tốt nghiệp đại học của Hứa Văn H;
- + 01 (một) giấy xác nhận dân sự;
- + 01 (một) bản phô tô bằng tốt nghiệp trung học phổ thông mang tên Hứa Văn H;
- + 01 (một) giấy vay tiền;
- + 01 (một) giấy trả tiền;
- + 01 (một) giấy thông báo đòi nợ;

* Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 1.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND B 1;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn 1;
- CA huyện B 2;
- Bị cáo 1;
- Bị hại 2;
- TA tỉnh 1;
- Sở tư pháp 1;
- THADS 1;
- Lưu Hồ sơ vụ án 1;
- Lưu 1;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lý Thị Thúy